

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21-4-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Đỗ Văn Mạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn C; địa chỉ: Thôn 7, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 01 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Phạm Văn C trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 26 tháng 12 năm 2007. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong lao động làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Do mâu thuẫn chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã Tân Tiến, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng ăn ở, sinh sống từ năm 2020 và ly thân với anh C từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị Nguyễn Thị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn C. Chị và anh C có 02 con chung tên Phạm Quỳnh Anh, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2008 và Phạm Phương Linh, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2012. Khi ly hôn chị T đồng ý để anh C trực tiếp nuôi hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung do chị và anh C tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 3 năm 2022, bị đơn anh Phạm Văn C trình bày:*

Anh Phạm Văn C kết hôn với chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Động vào năm 2007. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn, anh C thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn chị T. Anh và chị T có 02 con chung tên Phạm Quỳnh Anh, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2008 và Phạm Phương Linh, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2012. Khi ly hôn anh C xin được trực tiếp nuôi 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung do anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn C. Giao 02 con chung tên Phạm Quỳnh Anh, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2008 và Phạm Phương Linh, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2012 cho anh Phạm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18

tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung do các đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao giấy khai sinh của con; Bản tự khai; Biên bản lấy lời khai; Đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt của các đương sự; Đơn đề nghị xét nguyện vọng của con chung; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn C có nơi cư trú tại xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Phạm Văn C vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn C.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 26 tháng 12 năm 2007 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Theo tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong lao động làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn chị T và anh C đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh C đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị Nguyễn Thị T xin ly hôn, anh Phạm Văn C thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn chị T. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Văn C.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn C có 02 con chung tên Phạm Quỳnh Anh, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2008 và Phạm Phương Linh, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2012. Khi ly hôn anh C xin được trực tiếp nuôi hai con chung. Xét 02 con chung hiện đang ăn ở ổn định với anh C và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, các con chung đều có nguyện vọng ở với bố, chị Nguyễn Thị T cũng đồng ý để anh C trực tiếp nuôi 02 con chung nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao hai con chung tên Phạm Quỳnh Anh, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2008 và Phạm Phương Linh, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2012 cho anh Phạm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn C tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn C tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn C.
2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Quỳnh Anh, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2008 và Phạm Phương Linh, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2012 cho anh Phạm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn C tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn C tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007816 ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Hoàng Động (Giấy chứng nhận kết hôn số 104 ngày 26/12/2007);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hà**

